

Số: *52* /2025/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *08* tháng *9* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ và Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa

bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Ngoại giao;
- Ủy ban công tác về các TCPCPN;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô



QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 52 /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án trên địa bàn tỉnh Điện Biên nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Các nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ khác thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 4. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Hành vi bị cấm sử dụng viện trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 5. Lập hồ sơ, thẩm định khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên cung cấp viện trợ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính là cơ quan tiếp nhận, chủ trì thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp khoản viện trợ không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính hướng dẫn Chủ khoản viện trợ và bên cung cấp viện trợ gửi hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất dự án, Sở Tài chính có thể xem xét lập phương án mời các cơ quan chuyên môn ở Trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định chương trình, dự án.

Điều 6. Trình tự, nội dung thẩm định khoản viện trợ

Sở Tài chính thực hiện trình tự, nội dung thẩm định khoản viện trợ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Quyết định phê duyệt khoản viện trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt khoản viện trợ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 8. Quản lý, sử dụng viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Trên cơ sở quyết định tổ chức bộ máy quản lý thực hiện chương trình, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của chương trình, dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý chương trình, dự án đại diện cho Chủ khoản viện trợ, Ban Quản lý chương trình, dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Đối với khoản viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

6. Bán hàng hoá thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

7. Chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện, Chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính.

8. Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Quản lý tài chính nguồn viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Quản lý vốn đối ứng

a) Các chương trình, dự án, phi dự án được bố trí vốn đối ứng: Đối với chương trình, dự án, phi dự án mà Bên cung cấp viện trợ có yêu cầu bố trí vốn đối ứng, Chủ khoản viện trợ đề xuất cụ thể nguồn vốn đối ứng trong hồ sơ chương trình, dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, dự án trong đó quyết định về mức vốn đối ứng bố trí cho chương trình, dự án.

b) Nguồn vốn đối ứng: Vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền từ ngân sách ngân sách cấp tỉnh, cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

a) Đối với khoản viện trợ mà Chủ khoản viện trợ được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động: Chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị vận động khoản viện trợ, gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, phi dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hoá và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Quản lý tài sản viện trợ

Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc phạm vi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Ngoại vụ

a) Là cơ quan thường trực Ban Công tác vận động, viện trợ nước ngoài tỉnh Điện Biên.

b) Phối hợp thẩm định các chương trình, dự án, phi dự án và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Điện Biên; phối hợp tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định.

c) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung và thu hồi Giấy đăng ký và các hoạt động khác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh.

d) Quản lý các hoạt động quan hệ hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch và phối hợp hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

đ) Phối hợp tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và thực hiện đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các dự án tài trợ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức và nhân viên làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh.

g) Thẩm định tư cách pháp nhân đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có Giấy đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh. Cung cấp, chia sẻ thông tin các chương trình, dự án, khoản viện trợ với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan. Thông tin về nhu cầu, lĩnh vực, địa bàn vận động viện trợ của tỉnh cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý các khoản viện trợ và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn kiện, chương trình, dự án, phi dự án và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Điện Biên trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án theo quy định; đồng thời, kiểm tra tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính theo thẩm quyền đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định; kịp thời phát hiện các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ khoản viện trợ công tác quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ, các thủ tục quyết toán sau khi chương trình, dự án kết thúc.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận tài trợ); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

g) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ, tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại theo quy định; thẩm định báo cáo quyết toán thu chi nguồn vốn viện trợ theo quy định.

h) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ; báo cáo tổng hợp hàng năm về tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 9 Điều 13, Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2025/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. Công an tỉnh

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp thẩm định các chương trình, dự án, phi dự án và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Điện Biên.

c) Chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp thẩm định các chương trình, dự án, phi dự án và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Điện Biên.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Phối hợp thẩm định các chương trình, dự án, phi dự án và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Điện Biên.

b) Chủ trì, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan chấp hành thực hiện đường lối, chính sách dân tộc và tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến dân tộc và tôn giáo theo quy định hiện hành.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ; tham mưu cho Ủy ban nhân dân

tính tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định hiện hành.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

7. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức liên quan khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định hiện hành.

b) Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương và chương trình, kế hoạch tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo giai đoạn, phối hợp với Sở Ngoại vụ trong công tác kết nối, vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ các khoản viện trợ cho địa phương.

c) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ đúng quy định của pháp luật. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ khi chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi phối hợp thực hiện.

d) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực được phân công theo dõi, phụ trách.

đ) Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực được phân công theo dõi, phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã: Tạo điều kiện về mặt bằng (nếu có) để thực

hiện các chương trình, dự án, phi dự án theo nội dung văn kiện đã được phê duyệt, ký kết; giao đơn vị chuyên môn làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn.

h) Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 20 tháng 6) và hằng năm (chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 của năm) gửi Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính để tổng hợp. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các khoản viện trợ đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Điện Biên trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đốc đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu trong Quy chế này có sự thay đổi thì thực hiện theo quy định trong các văn bản đó; trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.